

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1968; Địa chỉ: số , bên Bình Đ, ph, quận , t (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: k, thị trấn C, huyện T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và tại bản tự khai ngày 29/5/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Vào năm 1995 ông với bà Nguyễn Thị H có xác lập quan hệ hôn nhân với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung có 02 con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/10/2007 từ khi ly thân cho đến nay cháu sống chung với bà Nguyễn Thị H nên ông đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 29/5/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thông nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý.

Về con chung có 02 con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/10/2007, từ khi ly thân đến nay cháu sống chung với bà , nay bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2020 cháu Nguyễn Ngọc Bảo H trình bày: cháu là con của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Không có.

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: hai bên thống nhất không có đăng ký kết hôn

Về con chung: hai bên thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/10/2007 thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng ông Hiếu không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: hai bên thống nhất khai không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điều 227 bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H sống chung với nhau từ năm 1995 đến năm 2017 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, tại phiên hòa giải ngày 29/5/2020 Tòa án tiến hành hòa giải động viên các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông với bà H, về phía bà H cũng đồng ý. Do ông H và bà H sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng

[3]. Về con chung: ông H và bà H cùng xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/10/2007 thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu H, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39; Điều 147 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công H với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị H

được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 22/10/2007 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu H, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị H thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Công H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007738 ngày 19/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần (ông H đã nộp đủ). Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

